

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HS-ST.
Ngày 14/11/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Hòa.

Ông Trương Văn Mên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đăng, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2024/TLST-HS, ngày 04 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với:

Bị cáo Huỳnh Mạnh M, sinh ngày 15/12/1987, nơi sinh tại tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Số A, ấp P, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nơi ở hiện nay: Khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh X, sinh năm 1955 (chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1956; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Phạm Thị T, sinh năm 1975; con có 01 người tên Huỳnh Khả M1, sinh năm 2015; anh, chị, em ruột có 03 người kể cả bị cáo, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1989. Tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 10/7/2024, đến ngày 13/7/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại:

- Chị Lê Thị Ngọc N1, sinh năm 2005. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- Anh Trịnh Ngọc T1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Anh Lâm Chí T2, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm H, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Ông Thái Thanh H1, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa:

- Một xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE A màu đỏ đen, biển số 84L1-176.44, đã qua sử dụng;

- Một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014987 mang tên Nguyễn Thanh V.

- Một nón Bảo hiểm màu trắng, có dòng chữ “CÔNG TY THƯƠNG MẠI NHƠN”, đã qua sử dụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Mạnh M là đối tượng không có nghề nghiệp, để có tiền tiêu xài bị cáo nảy sinh ý định tìm nhà nào có sơ hở trong việc quản lý tài sản sẽ lấy trộm đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vào khoảng 10 giờ, ngày 08/7/2024 bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 84L1-176.44 đi theo Quốc lộ E hướng từ thành phố T xuống huyện C tìm tài sản lấy trộm. Khi đi đến đoạn đường thuộc ấp T, xã T, huyện C, bị cáo quan sát thấy cửa hàng trang trí nội thất “T4” không có người trông giữ nên nảy sinh ý định đi vào bên trong tìm tài sản lấy trộm. Bị cáo dựng xe cặp đường nhựa, rồi giả vờ làm khách mua hàng đi vào trong cửa hàng. Khi vào bên trong, bị cáo quan sát thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 promax (bên trong có 01 thẻ sim điện thoại mạng Viettel có số thuê bao 0386201706) của chị Lê Thị Ngọc N1, sinh năm 2005, nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang để trên võng. Quan sát thấy không có người trông giữ, bị cáo lén lút lấy trộm điện thoại cất vào trong túi quần rồi nhanh chóng rời khỏi hiện trường và điều khiển xe về hướng thành phố T.

Khi đến thành phố T, bị cáo lấy chiếc điện thoại vừa trộm được đến tiệm cầm đồ “Chí Thành” do anh Lâm Chí T2, sinh năm 1984, nơi cư trú: khóm H, phường G, thành phố T làm chủ bán được số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), có được tiền bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 10/7/2024 nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, bị cáo đến Công an xã T, huyện C đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 17/KL.HĐĐG ngày 12/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 promax màu vàng, dung lượng 256GB và một thẻ sim điện thoại mạng V1 có số thuê bao 0386201706 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 22.035.000 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng) (Bút lục số 61-62).

Trong quá trình điều tra bị cáo còn tự nguyện khai nhận trước đó vào ngày 24/5/2024, với phương thức và thủ đoạn như trên, bị cáo còn thực hiện một vụ trộm cắp tài sản tại ấp L, xã L, huyện C như sau:

Vào khoảng 10 giờ, ngày 24/5/2024 bị cáo điều khiển xe mô tô (xe của bị cáo đã bán không tìm lại được) đi từ thành phố T theo Quốc lộ E hướng về huyện C tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến đoạn đường thuộc ấp L, xã L, huyện C bị cáo phát hiện cửa hàng bán nước sơn Thái Hùng, quan sát thấy không có người trông giữ nên bị cáo nảy sinh ý định đi vào bên trong tìm tài sản lấy trộm.

Bị cáo dừng xe mô tô cặp đường nhựa, giả vờ làm khách mua hàng để đi vào bên trong. Khi vào bên trong, bị cáo phát hiện chiếc điện thoại nhãn hiệu iPhone 11, màu xanh ngọc (bên trong có một thẻ sim điện thoại số 0374272414) của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967, nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang để trên đầu máy quạt hơi nước đặt tại khu vực phòng khách. Quan sát thấy không có người trông giữ, bị cáo lén lút lấy trộm điện thoại cất giấu vào trong túi quần, sau đó nhanh chóng rời khỏi hiện trường và điều khiển xe chạy về hướng thành phố T. Bị cáo mang chiếc điện thoại vừa lấy trộm được đến bán cho anh Lâm Chí T2 – chủ tiệm C tại khóm H, phường G, thành phố T được số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), có được tiền bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KL.HĐĐG ngày 20/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 loại thường, màu xanh ngọc và 01 thẻ sim điện thoại số 0374272414 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 5.170.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại có giá trị là 27.205.000 đồng.

Ngày 12/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo Huỳnh Mạnh M về tội Trộm cắp tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam bị cáo để phục vụ điều tra.

Đối với anh Lâm Chí T2 chủ tiệm cầm đồ Chí T3 có mua 02 chiếc điện thoại di động từ bị cáo, do anh T2 không biết tài sản này do bị cáo trộm cắp mà có nên không xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 promax, màu vàng, dung lượng 256 GB đã qua sử dụng đã trả lại cho bị hại Lê Thị Ngọc N1 nhận xong.

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, màu xanh ngọc và 01 thẻ sim điện thoại số 0374272414 của bà H. Sau khi lấy trộm bị cáo đem bán cho

anh Lâm Chí T2 - chủ tiệm cầm đồ C, sau đó anh T2 đã bán lại chiếc điện thoại này cho người khác nên không truy tìm được.

Trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Lê Thị Ngọc N1 đã bỏ ra số tiền 3.000.000 đồng đưa cho anh Lâm Chí T2 chủ tiệm cầm đồ C để nhận lại chiếc điện thoại do bị cáo bán cho anh T2. Nay chị N1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Bị hại bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 5.170.000 đồng (*theo kết luận định giá tài sản*). Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Anh Lâm Chí T2 chủ tiệm cầm đồ Chí T3 đã nhận số tiền 3.000.000 đồng từ bị hại Lê Thị Ngọc N1 trả nên anh không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 50/CT-VKS-HS, ngày 03/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, quyết định truy tố bị cáo Huỳnh Mạnh M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Mạnh M khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản Cáo trạng mô tả, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo thống nhất nội dung bản Cáo trạng, không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng, mà thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa các bị hại Lê Thị Ngọc N1 và bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị T trình bày: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE A màu đỏ đen, biển số 84L1-176.44, là do bị cáo M đứng tên mua tại tiệm cầm đồ của anh Trịnh Ngọc T1 với số tiền 12.000.000 đồng, đã trả được 8.000.000 đồng, còn nợ 4.000.000 đồng chưa trả. Đối với xe mô tô biển số 84L1-176.44 chị yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Nguyễn Văn Đ đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Mạnh M phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Mạnh M từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho chị N1 số tiền 3.000.000 đồng; bồi thường cho bà H số tiền 5.170.000 đồng. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo nộp án phí hình sự, án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Huỳnh Mạnh M nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Mạnh M khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 08/7/2024 bị cáo Huỳnh Mạnh M có hành vi trộm điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 promax, màu vàng, dung lượng 256 GB và một thẻ sim điện thoại mạng V1 có số thuê bao 0386201706 của chị Lê Thị Ngọc N1 sinh năm 2005. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 17/KL.HĐĐG ngày 12/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 promax màu vàng, dung lượng 256GB và một thẻ sim điện thoại mạng V1 có số thuê bao 0386201706 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 22.035.000 đồng.

Ngày 24/5/2024 bị cáo Huỳnh Mạnh M có hành vi trộm điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 loại thường, màu xanh ngọc và 01 thẻ sim điện thoại số 0374272414 của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KL.HĐĐG ngày 20/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 loại thường, màu xanh ngọc và 01 thẻ sim điện thoại số 0374272414 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 5.170.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nêu trên, do một mình bị cáo thực hiện, bị cáo thống nhất 02 bản kết luận định giá tài sản.

Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Huỳnh Mạnh M phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi

phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động, tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, bị cáo đã lén lút trộm 02 chiếc điện thoại của bị hại nêu trên có tổng giá trị là 27.205.000 đồng, từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự thú khai nhận ra hành vi phạm tội trước đó (ngày 24/5/2024); sau khi thực hiện hành vi phạm tội (ngày 08/7/2024) bị cáo đầu thú; bị hại Lê Thị Ngọc N1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; người thân bị cáo có công cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, bị cáo trộm cắp tài sản của bị hại mục đích bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân là hành vi đáng lên án, gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân không an tâm lao động, sản xuất, gây ra dư luận không tốt trong đời sống xã hội.

Trong các ngày 24/5/2024 và ngày 08/7/2024 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 02 chiếc điện thoại của 02 bị hại, theo bản kết luận định giá tài sản đều đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự là thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Tại các biên bản ghi lời khai chi N1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng; tại các biên bản ghi lời khai bà H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.170.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Mạnh M đồng ý bồi thường số tiền chi N1 và bà H đã yêu cầu. Hội đồng xét xử quyết định buộc bị cáo Huỳnh Mạnh M bồi thường, trả lại số tiền nêu trên cho các bị hại là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về xử lý vật chứng gồm:

- Một xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE A màu đỏ đen, biển số 84L1-176.44, đã qua sử dụng kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014987 mang tên Nguyễn Thanh V. Xe mô tô này do bị cáo mua tiệm cầm đồ của anh Trịnh Ngọc T1, bị cáo đã sử dụng xe mô tô này để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử quyết định tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với nón Bảo hiểm màu trắng, có dòng chữ “CÔNG TY THƯƠNG MẠI NHƠN”, đã qua sử dụng, là của bị cáo, xét thấy chiếc nón này không còn giá trị sử dụng. Hội đồng xét xử quyết định tuyên tịch thu tiêu hủy.

[4]. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Huỳnh Mạnh M có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng, án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Mạnh M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Mạnh M 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 10 tháng 7 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Huỳnh Mạnh M có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lê Thị Ngọc N1 số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Buộc bị cáo Huỳnh Mạnh M bồi thường thiệt hại tài sản cho bà Nguyễn Thị H với số tiền là 5.170.000 đồng (*Năm triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

- Một xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE A màu đỏ đen, biển số 84L1-176.44 (đã qua sử dụng) kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014987 mang tên Nguyễn Thanh V.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: Một nón Bảo hiểm màu trắng, có dòng chữ “CÔNG TY THƯƠNG MẠI NHƠN” đã qua sử dụng.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Huỳnh Mạnh M nộp 200.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Huỳnh Mạnh M nộp 408.500 đồng.

6. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm